CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1

Ngày 28/06/2024	44,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.8%	-	-

DT thuần
Q2/24
409
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 205| 100%
YoY: ▲ 268| 190%

LN thuần
Q2/24
28.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.2| 741%
YoY: ▲ 27.2| 2001%

LN sau thuế
Q2/24
23.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.7| 756%
YoY: ▲ 22.6| 2857%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
7.3%
YoY: +/-▲ 4.0%

ROE (TTM)
Q2/24
9.4%
YoY: +/-▲ 5.8%

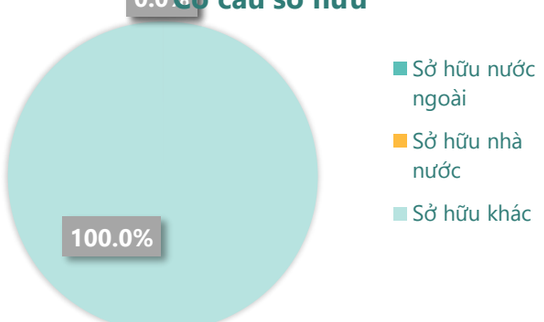
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	38,000 - 90,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,320
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.91
EPS	1,192
P/E	36.9

DT thuần
6T 2024
613
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 398| 185%

LN thuần
6T 2024
32.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.5| 1962%

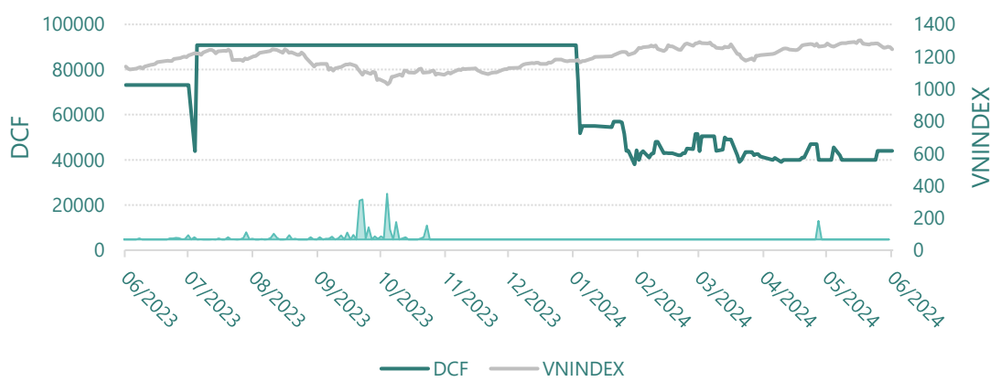
LN sau thuế
6T 2024
26.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.2| 2748%

Cơ cấu sở hữu

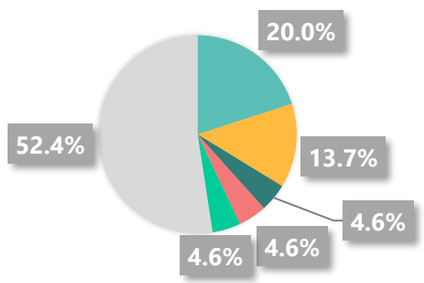


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

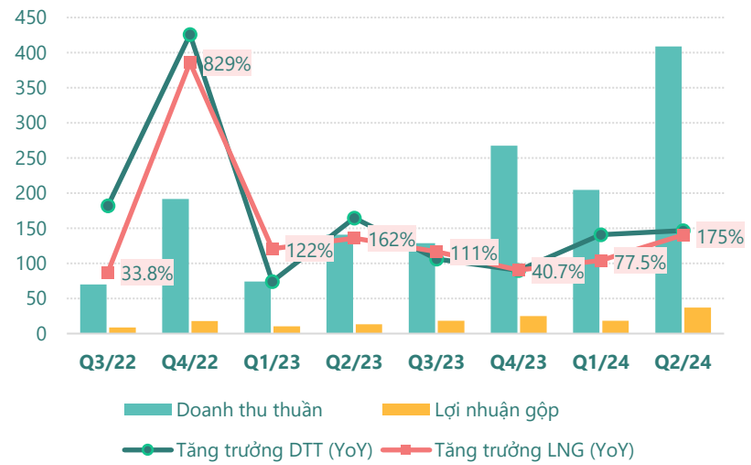


- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thái Hưng Long
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu - Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ
- Phạm Hùng Cường (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Thùy Linh
- Trần Thị Bình An (Trưởng ban kiểm soát)

(Nguồn: fireant.vn)

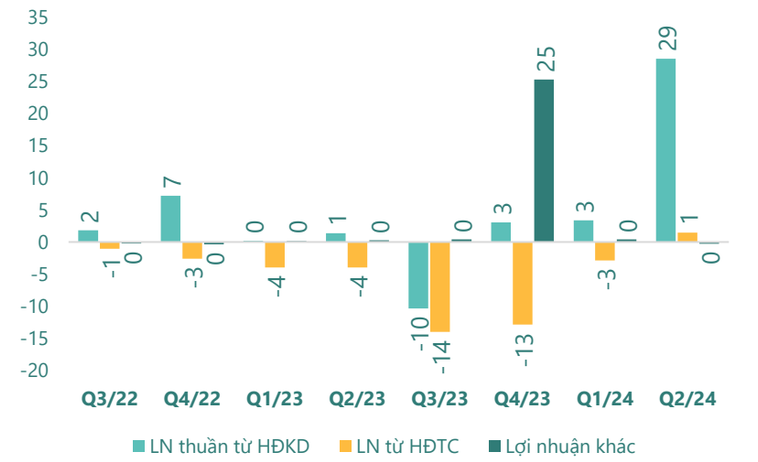
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



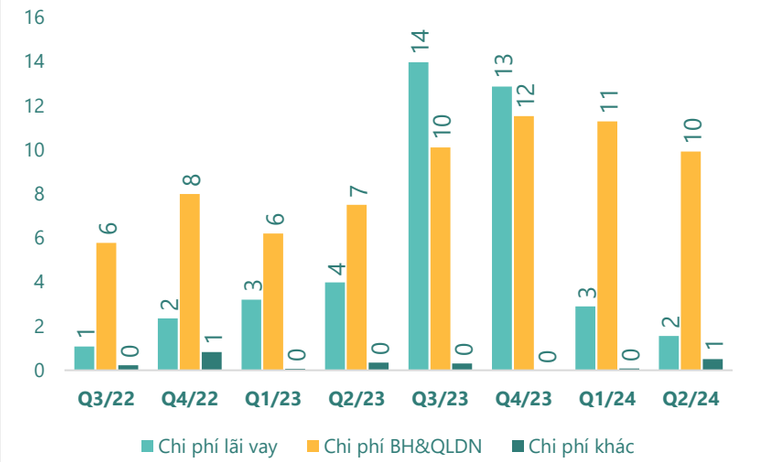
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



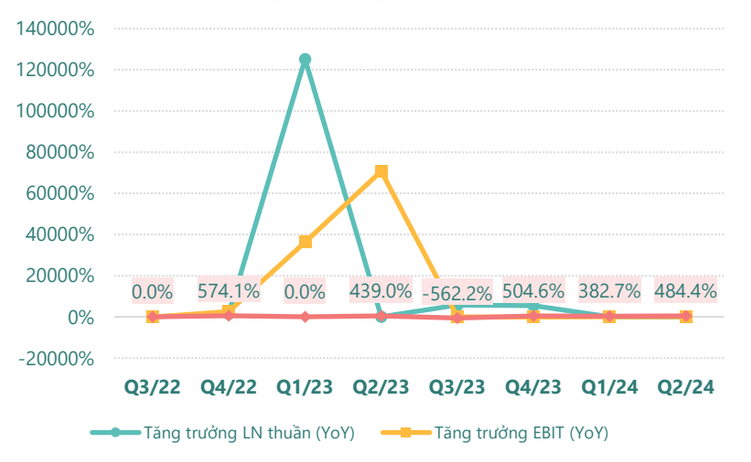
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



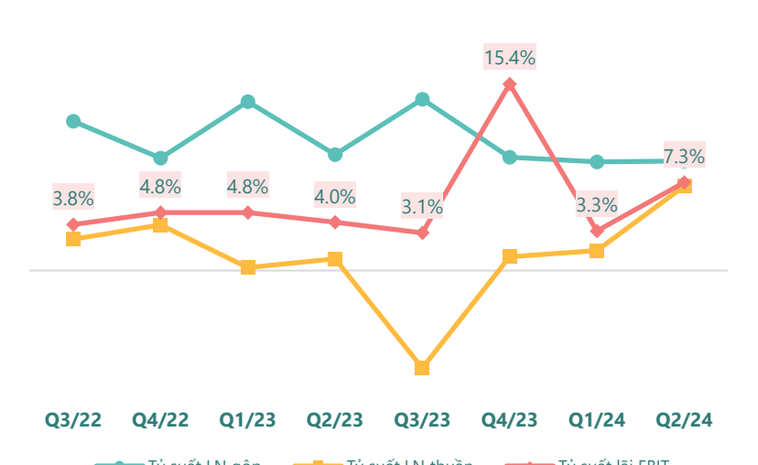
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



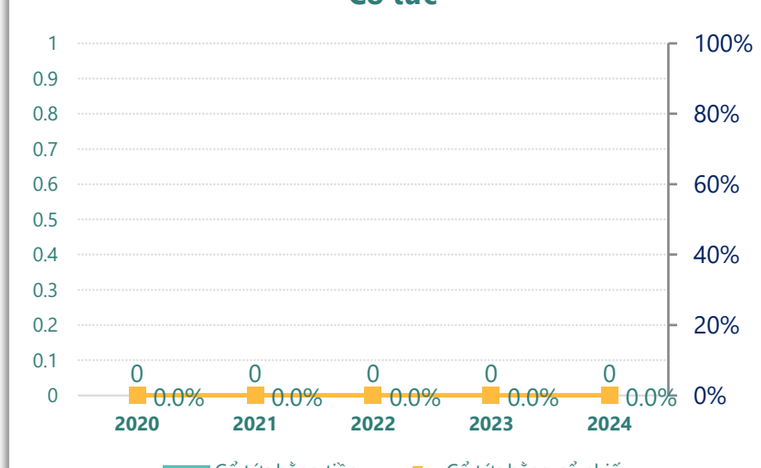
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

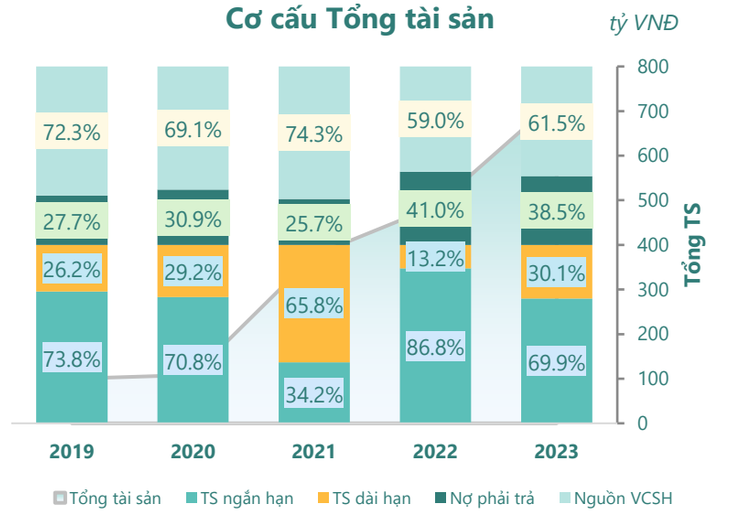
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

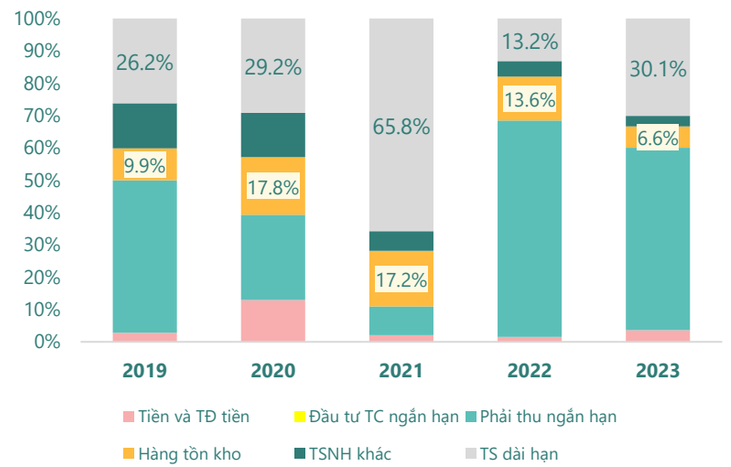
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



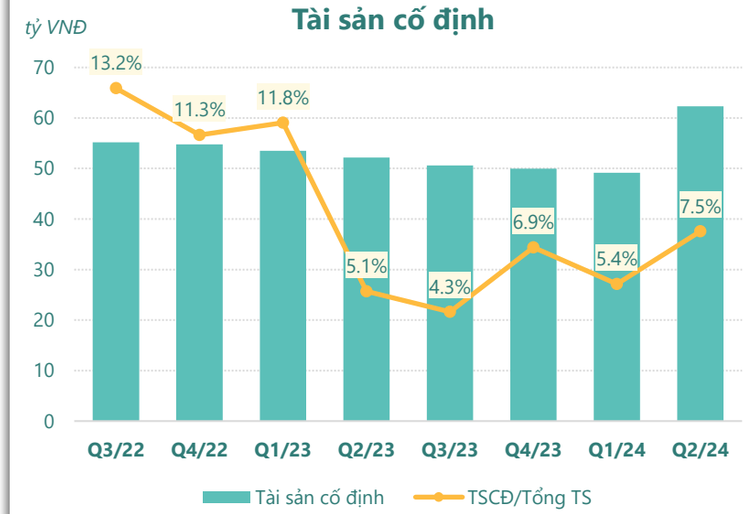
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



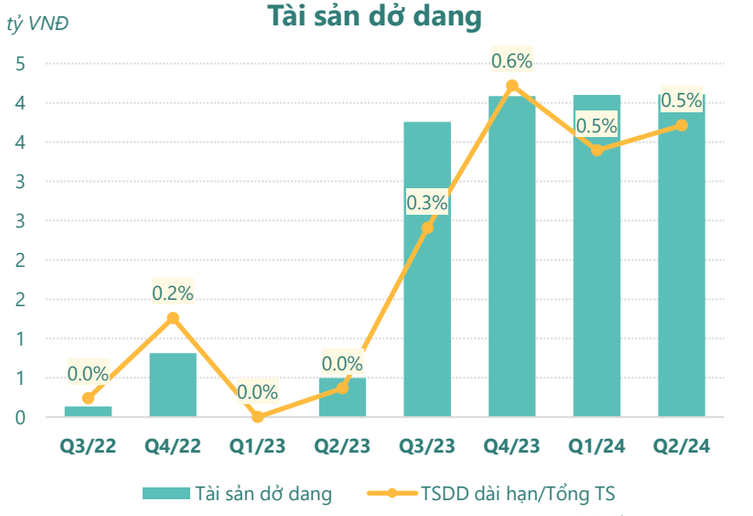
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



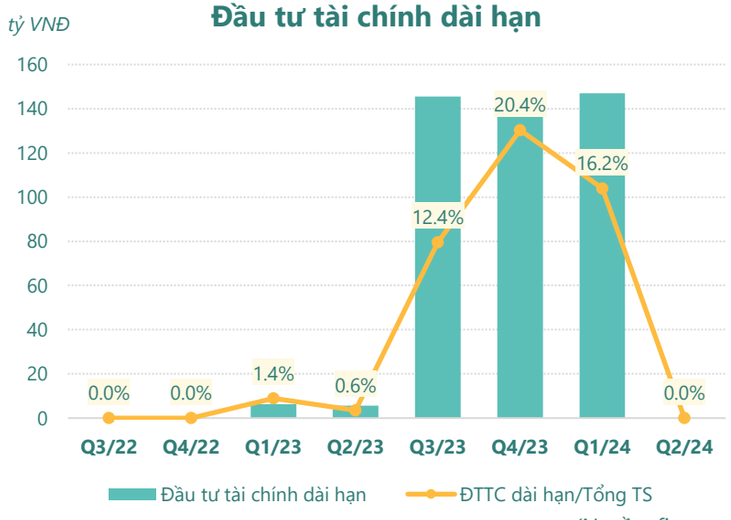
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



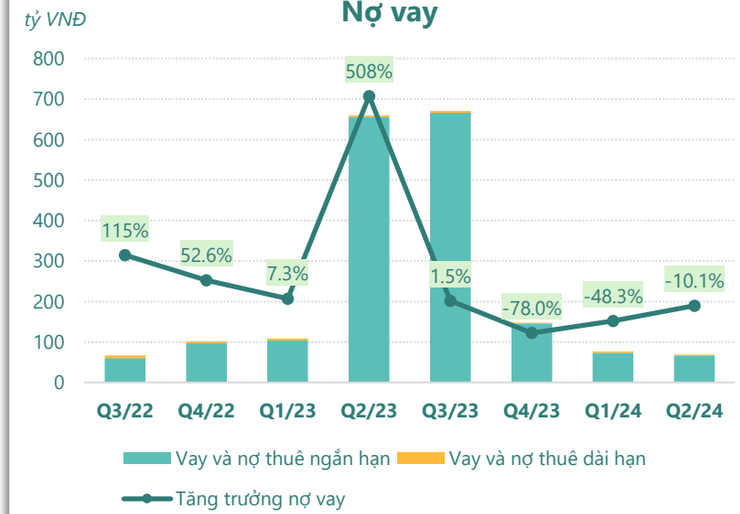
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

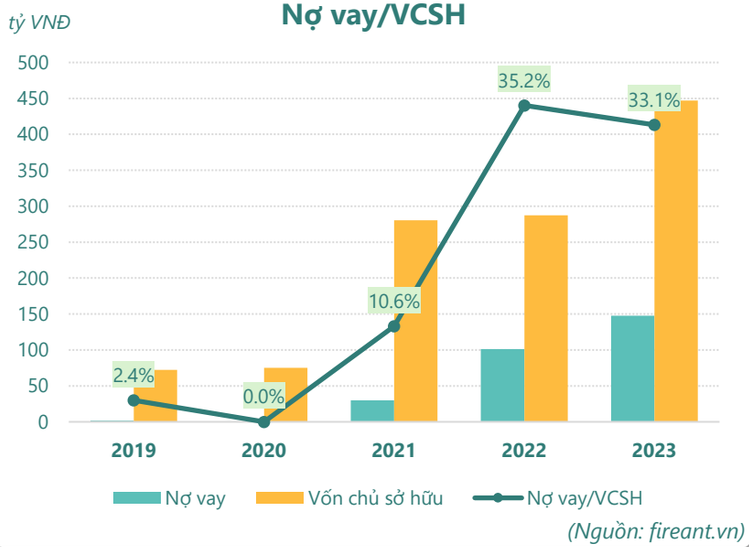
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

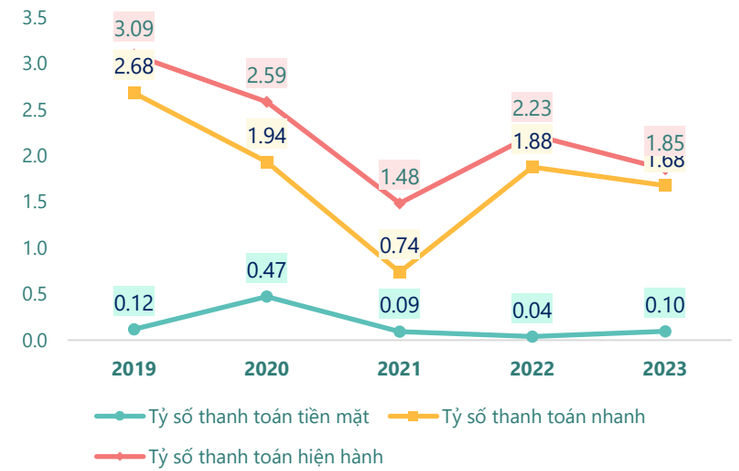
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



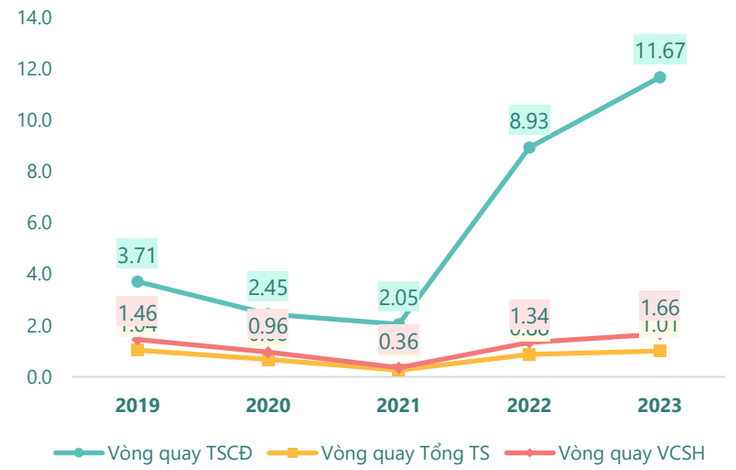
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



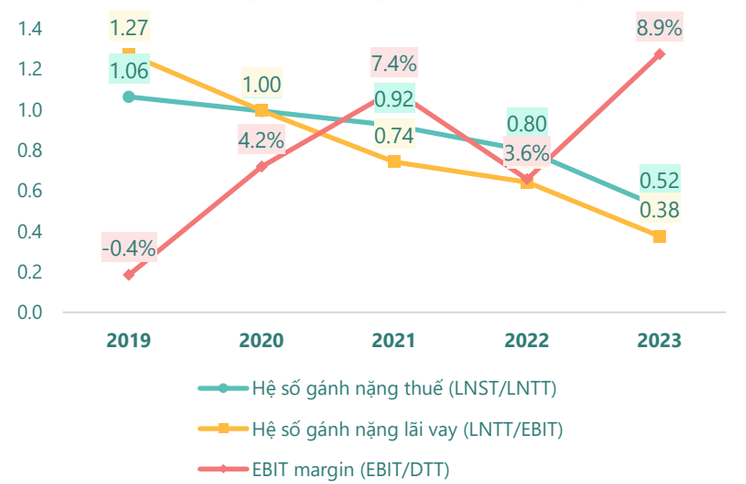
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



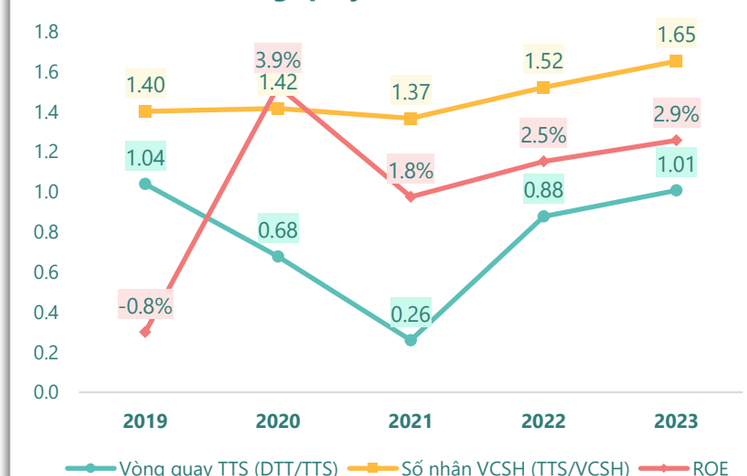
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



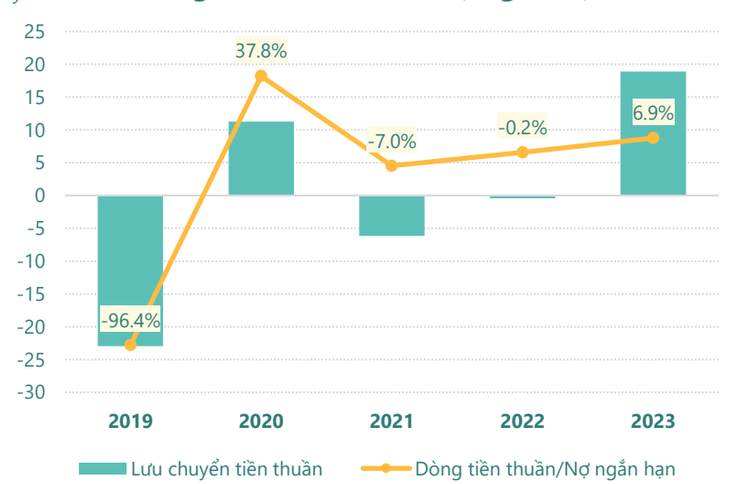
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**409**	**141**	**190%**	**613**	**215**	**185%**
Giá vốn hàng bán	372	127	193%	558	191	192%
Lợi nhuận gộp	37.0	13.5	174%	55.4	23.8	132%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.01	189%	0.06	0.03	127%
Chi phí TC	-1.44	3.98	-136%	1.45	7.97	-81.8%
Chi phí lãi vay	1.56	3.98	-60.7%	4.45	7.19	-38.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.65**	**100%**	**-0.84**	**-0.65**	**-29.8%**
Chi phí bán hàng	0.13	0.07	91.1%	0.40	0.07	436%
Chi phí QLDN	**9.79**	**7.42**	**31.9%**	**20.8**	**13.6**	**52.7%**
LN thuần từ HĐKD	28.6	1.36	2001%	32.0	1.55	1962%
Lợi nhuận khác	**-0.29**	**0.27**	**-207%**	**0.10**	**0.43**	**-76.3%**
LN trước thuế	28.3	1.63	1635%	32.1	1.98	1522%
Lợi nhuận sau thuế	**23.4**	**0.79**	**2857%**	**26.1**	**0.92**	**2748%**
LNST của CĐ cty mẹ	**23.4**	**0.79**	**2857%**	**26.1**	**0.92**	**2748%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.4	-543	-21.8	545	93.0	-4.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.52	-0.33	-148	-0.67	-0.36	-14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.37	551	160	-523	-71.3	-7.74
Tiền đầu kỳ	7.51	5.96	14.5	4.54	26.4	47.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.55**	**8.57**	**-9.98**	**21.9**	**21.4**	**-26.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.96	14.5	4.54	26.4	47.8	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**830**	**726**	**14.2%**
Tài sản ngắn hạn	745	508	46.8%
Tiền và tương đương tiền	20.9	26.4	-20.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	591	409	44.3%
Hàng tồn kho	102	48.2	112%
Tài sản ngắn hạn khác	31.8	23.7	33.8%
Tài sản dài hạn	**84.4**	**219**	**-61.4%**
Phải thu dài hạn	0.26	0.26	0.0%
Tài sản cố định	62.3	49.9	24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.11	4.09	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	148	-100%
Tài sản dài hạn khác	**17.7**	**16.4**	**8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	358	279	28.2%
Nợ ngắn hạn	**354**	**274**	**29.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.3	144	-54.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	109	68.3	58.8%
Nợ dài hạn	4.38	5.52	-20.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.38	3.52	-32.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**471**	**447**	**5.5%**
Vốn chủ sở hữu	**471**	**447**	**5.5%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)